

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Cà Ná – Giai đoạn I.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận).

- Tên chủ dự án: Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Trung Nam Cà Ná.

- Địa chỉ trụ sở chính (theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư): Khu công nghiệp Cà Ná, xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa).

- Email: tncniz@trungnamgroup.com.vn

*) Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Thảo.

- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

*) Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Nhuận.

- Chức vụ: Giám đốc.

Ghi chú: Căn cứ theo Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025, tại Khoản 34 Điều 1 thể hiện: sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phước Diêm và xã Cà Ná thành xã mới có tên gọi là xã Cà Ná. Như vậy, địa điểm thực hiện Dự án thuộc xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận nay đã sáp nhập thành xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa. Do đó, báo cáo thống nhất thể hiện địa điểm của Dự án theo địa danh mới là xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

a) Phạm vi dự án

Dự án được thực hiện trên tổng diện tích 378ha.

*) *Giai đoạn thi công, xây dựng:*

- Hoạt động rà phá bom, mìn.
- Hoạt động đền bù, GPMB: Thực hiện phát quang thực vật, phá dỡ công trình trên đất, di dời đường điện, dọn dẹp mặt bằng.
- San nền tạo mặt bằng thi công.
- Đầu tư xây dựng hệ thống HTKT đường giao thông, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, trạm XLNTTT.
- Đầu tư xây dựng hệ thống cây xanh bao gồm cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan trong KCN đảm bảo diện tích $\geq 10\%$.
- Đầu tư xây dựng 01 trạm XLNT tập trung công suất 5.300 m³/ngày đêm.

*) *Giai đoạn vận hành:*

Quản lý và vận hành các công trình HTKT của Dự án.

b) Quy mô, công suất dự án

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Cà Ná – Giai đoạn I thuộc xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa có tổng diện tích 378 ha với cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 1. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	DCN	257,58	68,14
2	Đất xây dựng điều hành, dịch vụ	DHDV	7,4	1,96
3	Đất cây xanh, mặt nước	CXMN	49,28	15,48
4	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	HTKT	10,00	2,65
5	Đất xây dựng giao thông	P	39,76	11,78
Tổng			378	100

(Nguồn: Báo cáo NCKT của Dự án)

Chi tiết cơ cấu sử dụng đất cụ thể như sau:

Bảng 2. Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất của Dự án

TT	Ký hiệu	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất khu điều hành dịch vụ		7,40	1,96
1.1	DHDV-1	Đất khu điều hành dịch vụ	7,40	
II	Đất khu nhà máy- xí nghiệp		257,58	68,14
2.1	KHU C (C2-C8)	Đất khu nhà máy- xí nghiệp	58,16	
2.2	KHU D (D1-D7)	Đất khu nhà máy- xí nghiệp	35,09	
2.3	KHU E (E1-E10)	Đất khu nhà máy- xí nghiệp	78,11	
2.4	KHU F (F1-F11)	Đất khu nhà máy- xí nghiệp	72,10	
2.5	KHU L (L1, L2, L9, L10)	Đất khu nhà máy- xí nghiệp	14,12	
III	Đất hạ tầng kỹ thuật		10,00	2,65
3.1	TCN	Trạm cấp nước	3,00	
3.2	TBA	Trạm biến áp	1,76	
3.3	XLNT	Khu xử lý nước thải	4,93	
3.4	CTR	Khu tập trung chất thải rắn	0,31	
IV	Đất cây xanh		49,28	13,04
4.1	CX-2	Cây xanh cảnh quan	0,84	
4.2	CX-3	Cây xanh cảnh quan	19,56	
4.3		Cây xanh cảnh quan	9,78	
4.5	CXCL-2	Cây xanh cách ly	9,93	
4.6	CXCL-3	Cây xanh cách ly	7,49	
4.7	CXCL-4	Cây xanh cách ly	0,76	
4.8	CXCL-8	Cây xanh cách ly	0,92	
V	Đất Mặt nước		9,23	2,44
5.1	MN	Mặt nước	9,23	
VI	Đất giao thông		44,51	11,78
5.1	GT	Đất giao thông cơ giới	41,84	
5.2	p	Đất giao thông tĩnh (Bãi đỗ xe)	2,67	
Tổng			378	100%

b) Các ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN

Các ngành nghề thu hút đầu tư của Dự án đều nằm ngành nghề kinh tế Việt Nam được phê duyệt trong Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Cụ thể được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. Tổng hợp các loại hình công nghiệp định hướng thu hút đầu tư vào Dự án

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)	Ghi chú 0
1	Sản xuất chế biến thực phẩm	C10	

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)	Ghi chú 0
2	Sản xuất đồ uống	C11	
3	Sản xuất sản phẩm thuốc lá (không bao gồm công đoạn sơ chế, chế biến lá, chế biến sợi)	C12	
4	Dệt (không nhuộm)	C13	
5	Sản xuất trang phục (không nhuộm)	C14	
6	Sản xuất da và các sản phẩm liên quan (không thuộc da)	C15 (Trừ C1511 - Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú)	Không bao gồm 0511
7	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	0512	
8	Sản xuất giày, dép	C152	
9	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C16	
10	Sản xuất sản phẩm từ giấy (không sản xuất bột giấy từ tranh tre, nứa lá, rừng trồng)	0 7 (trừ 0701)	Không bao gồm 0701
11	In, sao chép bản ghi các loại	C18	
12	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	C192	
13	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	C20	
14	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C21	
15	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22	
16	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (không bao gồm sản xuất xi măng, vôi và thạch cao C2394)	C23	
17	Sản xuất kim loại	C24	
18	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C25	
19	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi	C251	
20	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	C259	
21	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26	
22	Sản xuất thiết bị điện	C27	
23	Sản xuất pin và ắc quy	C272	

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)	Ghi chú 0
24	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28	
25	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29	
26	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30	
27	Đóng tàu và thuyền	C301	
28	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31	
29	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	C31001	
30	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32	
31	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33	
32	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	D35	Không bao gồm D35111, D35112, D35113, D35114, D35115
33	Điện mặt trời	D35116	
34	Điện gió	D35115	
35	Điện khí	D35113	
36	Phân phối và bán lẻ điện	D35122	
37	Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	D35202	
38	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	D3530	
39	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36	
40	Thoát nước và xử lý nước thải	E37	
41	Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	E38	
42	Thu gom rác thải	E381	
43	Tái chế phế liệu	E383	
44	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	E39	
45	Xây dựng nhà các loại	F41	
46	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	F42	Không bao gồm F4211, F42910, F42920
47	Xây dựng công trình điện	F4221	
48	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	F43	
49	Lắp đặt hệ thống điện	F4321	

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)	Ghi chú 0
50	Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G45	
51	Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	G46	
52	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	G465	
53	Bán buôn chuyên doanh khác	G466	
54	Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	G47	
55	Vận tải đường ống	H494	
56	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	H4933	
57	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	H5012	
58	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	H5022	
59	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52	
60	Bưu chính và chuyển phát	H53	
61	Dịch vụ lưu trú	I55	
62	Dịch vụ ăn uống	I56	
63	Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc	J59	
64	Hoạt động phát thanh, truyền hình	J60	
65	Viễn thông	J61	
66	Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	J62	
67	Hoạt động dịch vụ thông tin (có trung tâm dữ liệu DATA)	J63	
68	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	K64	
69	Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo hiểm xã hội bắt buộc)	K65	
70	Hoạt động tài chính khác	K66	
71	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L68	
72	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở	L68104	
73	Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán	M69	

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)	Ghi chú 0
74	Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	M70	
75	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ khác	M72	
76	Quảng cáo và nghiên cứu thị trường	M73	
77	Hoạt động chuyên môn, hoa học và công nghệ khác	M74	
78	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	M741	
79	Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dung cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	N77	
80	Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm	N78	
81	Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	N79	
82	Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan	N81	
83	Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	N82	
84	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	P856	
85	Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí	R93	
86	Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác	S94	
87	Sửa chữa máy vi tính, đồ dung cá nhân và gia đình	S95	
88	Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	T98	
89	Hoạt động y tế	Q86	

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình

**) San nền*

- Thực hiện san nền trên toàn bộ diện tích 378ha tạo mặt bằng thi công với cốt cao độ san nền là +4m đến +12,44m.

**) Hệ thống giao thông*

- Đường trục chính KCN: Gồm tuyến đường N2, N3 (MC 1-1) kết nối giao thông KCN với đường Quốc lộ 1. Lộ giới 50m.

- Đường nội bộ trong KCN: Gồm đường D4 (MC 3-3) lộ giới 38m; đường D2 (MC 4-4), lộ giới 25m; đường N4 (MC 5A-5A, 5B-5B), lộ giới 18m; đường D1 (MC 6-6), lộ giới 33-45m; đường D5 và D6 (MC 7-7), lộ giới 18m.

- Bãi đỗ xe.

Bảng 4. Tổng hợp khối lượng đường giao thông của Dự án

STT	Tên đường	Mặt cắt ngang	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)			
				Mặt đường	Dải phân cách	Vĩa hè	Lộ giới
1	Đường N2	1-1	1.098,80	28,00	10,00	12,00	50,00
2	Đường N3	1-1	547,53	28,00	10,00	12,00	50,00
3	Đường N4	5A-5A;5B-5B	2.059,70	12,00	-	6,00	18,00
4	Đường D1	6-6	2.137,14	15,00	-	18,0-30,0	33,045,0
5	Đường D2	44	1.570,00	15,00	-	10,00	25,00
6	Đường D3	2-2	990,00	28,00	6,00	12,00	46,00
7	Đường D4	3-3	539,00	22,00	6,00	10,00	38,00
8	Đường D5	7-7	1.271,50	8,00	-	10,00	18,00
	Tổng		10213,67				

(Nguồn: Báo cáo NCKT của Dự án)

***) Hệ thống cấp nước**

- Nguồn cấp nước: Giai đoạn đầu lấy nước từ nhà máy nước Phước Nam thông qua tuyến ống nước từ quốc lộ 1A dẫn vào. Giai đoạn sau xây dựng trạm cấp nước với nguồn nước lấy từ công trình thủy lợi cấp nước hiện có gồm Hồ Núi Một, một phần kênh chính Nam hệ thống thủy lợi đập Nha Trinh và một số đập dâng nhỏ khác.

- Đường ống: Ống cấp nước sử dụng ống HDPE đường kính từ D110-D450, ống cấp nước được đặt dưới vỉa hè cách chỉ giới đường đỏ 1m.

- Dọc theo tuyến đường ống cấp nước bố trí trụ cứu hỏa D110 bán kính phục vụ khoảng 150m để cấp nước cho xe cứu hỏa.

Bảng 5. Tổng hợp khối lượng hệ thống cấp nước của Dự án

STT	Tên	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPE D450	8 Bar	m	1360
2	Ống HDPE D400	8 Bar	m	270
3	Ống HDPE D315	8 Bar	m	1560
4	Ống HDPE D250	8 Bar	m	1500

STT	Tên	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng
5	Ống HDPE D200	8 Bar	m	323
6	Ống HDPE D160	8 Bar	m	5320
7	Ống HDPE D110	8 Bar	m	2453
8	Trụ chữa cháy D100	10 Bar	cái	74
9	Nhà máy cấp nước		HT	1

(Nguồn: Báo cáo NCKT của Dự án)

***) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng**

- Nguồn cấp điện: Xây dựng trạm trung gian 110/22kV-193,3 MVA (gồm các máy 125+40+30 MVA) từ tuyến dây 110kV trên đường QL1A đi nối trên trụ điện BTLT dọc trên vỉa hè cấp điện cho toàn Dự án.

Bảng 6. Tổng hợp khối lượng cấp điện và chiếu sáng

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Cấp điện		
1	Cáp ngầm trung thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 22kV 3x240mm ²	m	1.760
2	Cáp nổi trung thế AsXV 22kV 3x240mm ²	m	36.842
3	Máy biến áp 110/22kV loại 125MVA (1 máy) + 30MVA (1 máy) + 40MVA (1 máy)	kVA	125.000
II	Chiếu sáng		
1	Tuyến chiếu sáng ngầm xây dựng mới	m	19.442
2	Máy biến áp 22/0,4kV 3x35kVA	kVA	105
3	Máy biến áp 22/0,4kV 3x25kVA	kVA	75
4	Máy biến áp 22/0,4kV 3x15kVA	kVA	45

(Nguồn: Báo cáo NCKT của Dự án)

***) Hệ thống thông tin liên lạc**

Hệ thống thông tin gồm hệ thống tổng đài nội hạt và hệ thống công bố gồm các ống công cấp thông tin ống D114 với chiều dài 62.794m chạy dọc các tuyến đường đến từng nhà máy và được bố trí trên hè đảm bảo khoảng cách giữa các công trình.

***) Cây xanh:**

Bố trí dải cây xanh cách ly xung quanh Dự án, đảm bảo theo đúng quy định tại QCVN 01:2021/BXD. Xung quanh trạm XLNT tập trung bố trí dải cây xanh cách ly với bề rộng 10m.

***) Cây xanh hè đường:**

Cây xanh trên các tuyến đường: là các thảm cỏ được phân bố trên dải phân cách và hai bên đường.

***) Cây xanh nhà máy thứ cấp:**

Cây trong các lô đất công nghiệp được trồng kết hợp giữa cây hoa lá màu, cây bụi, cỏ và cây lấy bóng mát. Tùy thuộc vào thiết kế của các nhà máy.

Đảm bảo bề rộng, sự thẳng hàng của hành lang tạo điều kiện thông gió.

Các loại cây trồng được lựa chọn phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng của địa phương như: Sao đen, xà cừ, me tây, phượng vĩ, cọ dầu, cọ ta, dừa cạn, hoa giấy, trắc bách diệp,...

***) Hồ điều hòa:**

- Hồ điều hòa có diện tích khoảng 10,6ha, dung tích chứa ước tính 8.234 m³.

b) Hoạt động của dự án đầu tư

***) Giai đoạn thi công**

- Bố trí 01 công trường thi công.
- Chiếm dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, giao thông, đất nghĩa địa, đất chưa có rừng.
- Phá dỡ các công trình hiện trạng (bao gồm di dời mồ mả, nhà tạm, nhà xưởng, chòi, kênh mương dẫn nước sản xuất muối trong ranh giới Dự án).
- Hoạt động nổ mìn phá đá đồi núi nằm trong khu vực Dự án.
- San nền, bóc lớp đất bề mặt và đầu tư xây dựng các công trình của Dự án.
- Sinh hoạt của CBCNV thi công tại công trường.
- Vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải.
- Thu gom, phân loại, chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

***) Giai đoạn vận hành**

- Thu hút đầu tư vào KCN với ngành nghề thu hút đầu tư.
- Hoạt động của các đơn vị đầu tư thứ cấp trong KCN.
- Hoạt động sinh hoạt của CBCNV quản lý, vận hành HTKT trong KCN.

- Hoạt động vận hành, nạo vét, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải.

- Hoạt động vận hành trạm XLNTTT công suất 5.300 m³/ngày, trạm biến áp, trạm xử lý nước cấp.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, xử lý CTRCNTT, CTRSH, CTNH phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành Dự án.

- Xả nước thải sau xử lý ra kênh Quán Thẻ.

- Hoạt động lưu thông các phương tiện giao thông ra vào KCN.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án chiếm dụng 18,35ha đất quy hoạch rừng phòng hộ, là yếu tố nhạy cảm môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

2.1.1. Vị trí địa lý của Dự án

Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Cà Ná – giai đoạn I” với tổng diện tích là 378 ha thuộc địa phận xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa với phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp với núi Đá Bạc thuộc xã Phước Dinh có độ cao lên đến khoảng 643m.

- Phía Bắc: giáp với ruộng muối thuộc xã Thuận Nam.

- Phía Nam giáp đất KCN dự trữ, tiếp giáp tuyến đường hành lang ven biển (đường tỉnh 701) và thôn Thương Diêm.

- Phía Tây giáp khu dân cư đô thị Cà Ná và cách tuyến đường Quốc lộ 1A khoảng 450m.

2.1.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Dự án

Tổng diện tích sử dụng đất của Dự án là 378ha thuộc xã Cà Ná. Chi tiết hiện trạng sử dụng đất của Dự án như sau:

Bảng 7. Hiện trạng sử dụng đất của Dự án

STT	Tên loại đất	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất trồng cây hàng năm	BHK	182,58	48,30
2	Đất chưa có rừng	RPM	18,35	4,85
3	Đất nghĩa trang	NTD	1,59	0,42
4	Đất làm muối	LMU	14,22	3,76
5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	159,15	42,11
6	Đất giao thông	GT	2,11	0,56
Tổng			378,00	100,00

(Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu khả thi của Dự án)

- Đất chưa có rừng: Thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ, tại khoảnh 2, tiểu khu 206b, xã Cà Ná (trước đây là xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam) do Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Giang - Thuận Nam quản lý. Hiện trạng là đất chưa có rừng chủ yếu là cây bụi và cỏ dại mọc, diện tích đất này đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa) xác nhận tại Báo cáo kết quả thẩm định kiểm kê hiện trạng rừng và đất rừng Dự án số 821/BC-SNNPTNT ngày 01/11/2021.

- Đất làm muối: Hiện trạng đang sản xuất muối do Công ty Cổ phần Muối Cà Ná Ninh Thuận làm Chủ đầu tư và Chi nhánh Công ty Cổ phần Muối Ninh Thuận - Xí nghiệp muối Cà Ná quản lý vận hành. Ngoài ra, 1 phần diện tích làm muối do người dân quản lý, sản xuất.

- Đất trồng cây hàng năm: Hiện trạng là đất trống, cỏ dại mọc, chủ yếu là xương rồng, keo rừng, tre, cây bụi và cỏ dại mọc,...

- Đất nghĩa trang: Có khoảng 400 ngôi mộ nằm trên khu vực thực hiện Dự án, chủ yếu là mộ xây của các hộ dân và 1 số mộ là người dân tự phát trên diện tích đất nông nghiệp.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chủ yếu nuôi ốc hương và nuôi tôm do người dân quản lý canh tác.

- Đất giao thông: Chủ yếu là đường đất với bề rộng 3 – 5m để phục vụ làm muối và đi lại canh tác của người dân. Do Công ty Cổ phần Muối Cà Ná Ninh Thuận và UBND xã Cà Ná quản lý.

- Công trình trên đất: Hiện tại trong Dự án có khoảng 220 nhà tạm với 150 nhà xây gạch và 70 nhà bằng khung thép và quay tôn, mái lợp tôn hoặc proximang được xây dựng đến đất nông nghiệp phục vụ canh tác và sản xuất.

- Tuyến kênh dẫn nước sản xuất muối của Công ty Cổ phần Muối Cà Ná Ninh Thuận chạy dọc giữa Dự án với chiều dài khoảng 1.800m dẫn về cánh đồng muối Quán Thẻ ở phía Bắc Dự án, kết cấu kênh xây hình thang với bề rộng đáy kênh 2m, bề rộng mặt kênh 6m, cao khoảng 2,5m.

2.1.3. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

****) Khoảng cách từ Dự án đến các khu dân cư:***

- Dự án cách Khu đô thị Đầm Cà Ná khoảng 200m về phía Tây Nam; khu dân cư thôn Lạc Sơn 3, xã Cà Ná cách khoảng 400m về phía Tây. Khu dân cư thôn Thương Diêm 2, xã Cà Ná cách khoảng 2km về phía Đông Nam. Khu dân cư thôn Phước Diêm dọc tuyến đường QL1A cách Dự án gần nhất khoảng 250m. Khu dân cư thôn Lạc Tân 2, thôn Lạc Nghiệp 2 xã Cà Ná cách khoảng 720m.

- Đồng thời tiếp giáp với thôn Lạc Tân 1 và thôn Thương Diêm 1 lần lượt về phía Bắc và phía Nam của Dự án.

****) Khoảng cách từ Dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường:***

- Khoảng cách từ Dự án đến trụ gió số 11 là 120m và trụ gió số 12 là 200m của Công ty Điện gió Bim làm Chủ đầu tư. Khoảng cách của Dự án đảm bảo hành lang an toàn đối với trụ gió theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2021 của Bộ Công thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.

- Cảng Cà Ná cách Dự án khoảng 520m về phía Nam; chợ Cà Ná cách 550m về phía Nam.

- Đình Cà Ná cách khoảng 900m về phía Nam; chùa Diệu Đức cách Dự án khoảng 150m về phía Tây.

- Trường THCS và THPT Đặng Chí Thanh cách khoảng 550m, trường tiểu học Lạc Sơn cách khoảng 1,3km về phía Tây Nam và nhà trẻ Kim Liên cách khoảng 700m về phía Tây Nam.

- Khu kinh tế muối công nghiệp và xuất khẩu Quán Thẻ của Công ty Cổ phần Muối Cà Ná Ninh Thuận cách Dự án khoảng 1,5km về phía Bắc.

Khoảng cách từ Dự án tới khu dân cư và các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường được thể hiện chi tiết tại bảng sau:

Bảng 1. Khoảng cách từ Dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

STT	Khu vực có yếu tố nhạy cảm	Khoảng cách (m)	Hướng
I	Khu dân cư		
1	Thôn Lạc Nghiệp 1	Nằm trong Dự án	Nam
2	Thôn Lạc Nghiệp 2	Nằm trong Dự án	Nam
3	Thôn Lạc Sơn 1	1.000	Tây Nam
4	Thôn Lạc Sơn 2	500	Tây
5	Thôn Lạc Sơn 3	400	Tây
6	Khu đô thị Đầm Cà Ná	300	Nam
II	Công trình nhạy cảm		
1	Đường Dốc Hầm	Giáp	Đông Nam
2	Đường ven biển Ninh Thuận (đường tỉnh 701)	100	Tây Nam
3	Đường Quốc Lộ 1A	400	Tây
4	Đường vào Xí nghiệp muối Cà Ná Ninh Thuận	Giáp	Tây
5	Ủy ban nhân dân xã Cà Ná	800	Tây Nam
6	Trường THCS và THPT Đặng Chí Thanh	550	Tây Nam
7	Trường tiểu học Lạc Sơn	1.300	Tây Nam
8	Nhà trẻ Kim Liên	700	Tây Nam
9	Nhà thờ giáo xứ Cà Ná	500	Bắc
10	Chùa Diệu Đức	150	Tây
11	Nhà thờ Tin Lành chi hội Cà Ná	300	Tây
12	Chùa Lạc Nghiệp	800	Nam
13	Đình Cà Ná	900	Nam
14	Cảng Cà Ná mở rộng	520	Nam
15	Cơ sở cá cơm Thành Hai	400	Nam
16	Cơ sở sản xuất nước mắm Cà Ná	600	Bắc
17	Chợ Cà Ná	550	Nam
18	Khu nghỉ dưỡng vịnh Cà Ná	900	Tây Nam
19	Trụ điện gió Công ty BIM WTG 10	650	Bắc
20	Trụ điện gió Công ty BIM WTG 11	110	Bắc
21	Trụ điện gió Công ty BIM WTG 12	320	Tây Bắc
22	Khu kinh tế muối công nghiệp và xuất khẩu Quán Thẻ của Công ty Cổ phần Muối Cà Ná Ninh Thuận	1.500	Bắc

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1. Tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.2.1.1. Nước thải, khí thải

1) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

**) Giai đoạn thi công:*

- Hoạt động sinh hoạt của CBCNV phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe khoảng 6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất lơ lửng (TSS), váng dầu mỡ,...

**) Giai đoạn vận hành:*

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của CBCNV làm việc tại Ban quản lý KCN và hoạt động của CBCNV làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong KCN. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong KCN. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N, P), kim loại nặng,...

Tổng lưu lượng nước thải (gồm nước thải sản xuất và sinh hoạt) phát sinh tối đa khi KCN đạt tỷ lệ lấp đầy 100% khoảng 5.300 m³/ngày.

2) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

**) Giai đoạn thi công:*

- Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC,...

- Hoạt động nổ mìn phá đá, thu hồi khoáng sản phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC,...

**) Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trong KCN phát sinh bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC,...

- Mùi từ khu tập kết CTR sinh hoạt, CTNH.

- Bụi, khí thải có thể phát sinh từ hoạt động sản xuất của các Nhà máy trong KCN như: bụi, khí CO₂, SO₂, NO_x, các dung môi hữu cơ, hơi axit,... Chi tiết các khí thải phát sinh sẽ được tính toán trong quá trình lập ĐTM của mỗi Nhà máy trong KCN.

2.2.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

1) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khối lượng sinh khối khoảng 200,93 tấn. Thành phần chủ yếu bao gồm thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây,...

- Hoạt động phá dỡ các công trình phục vụ thi công phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 36.291,9 tấn. Thành phần chủ yếu bao gồm đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu,...

- Hoạt động thi công làm phát sinh CTR xây dựng với khối lượng khoảng 15,8 tấn với thành phần chính là nguyên vật liệu rơi vãi.

- Hoạt động sinh hoạt của CBCNV thi công phát sinh CTR sinh hoạt với khối lượng khoảng 60 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

- Khối lượng đá thu hồi khoáng sản: 8.930.480m³.

b) Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Ban quản lý KCN ước tính khoảng 9 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, rau củ, vỏ chai lọ,...

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBCNV làm việc trong các nhà máy của KCN phát sinh khoảng 51,5 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, rau củ, vỏ chai lọ,...

- CTRCNTT phát sinh từ hoạt động của các nhà máy sản xuất trong KCN khoảng 77,3 tấn/ngày.

- CTRCNTT phát sinh từ hoạt động quản lý và vận hành hạ tầng kỹ thuật KCN: Giấy, bìa các tông, giấy văn phòng phẩm; hộp mực in thải; bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa, từ các bể tự hoại thuộc phạm vi quản lý của Chủ dự án với tổng khối lượng khoảng 1.856,9 tấn/năm.

2) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH

****) Giai đoạn thi công***

- CTNH (giẻ lau, găng tay dính dầu, dầu nhiên liệu thải, vỏ hộp sơn thải,...) phát sinh trong khoảng 138,5 kg/tháng.

****) Giai đoạn vận hành***

Hoạt động điều hành quản lý hạ tầng kỹ thuật KCN phát sinh CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát (pin thải, bóng đèn hỏng, bùn thải có chứa các thành phần nguy hại, hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại,...) với tổng khối lượng ước tính là: CTNH: 310 kg/năm; CTR công nghiệp phải kiểm soát: 19 tấn/năm.

2.2.2. Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.2.2.1. tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng

****) Tiếng ồn, độ rung***

Hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng, thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Hoạt động nổ mìn phá đá, thu hồi khoáng sản phát sinh tiếng ồn, độ rung.

****) Tác động do chiếm dụng đất***

- Hoạt động chiếm dụng đất nông nghiệp, đất làm muối, nuôi trồng thủy sản, đất giao thông và di dời mồ mả, ảnh hưởng tới đời sống, việc làm, hoạt động sản xuất nông nghiệp, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất quy hoạch rừng phòng hộ.

- Tác động đến hoạt động sản xuất muối của Công ty Cổ phần Muối Cà Ná Ninh Thuận cho chiếm dụng tuyến kênh dẫn nước muối về cánh đồng muối Quán Thê.

****) Tác động đến từ hoạt động nổ mìn phá đá***

Hoạt động nổ mìn phá đá thu hồi khoáng sản dẫn đến sóng va đập không khí tác động trực tiếp đến công nhân tham gia nổ mìn, gián tiếp đến các công nhân thi công và người dân xung quanh Dự án.

- Chấn động do nổ mìn gây rung, lắc gây hại đến con người, công trình xung quanh Dự án nếu nằm trong bán kính ảnh hưởng.

- Khi nổ mìn, sức công phá của thuốc nổ làm đất đá văng ra xung quanh, các mảnh vỡ của đá có thể làm tổn thương đến người, động vật, cây cối trong phạm vi đá văng.

**) Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực*

Việc tập trung khối lượng lớn CBCVN dễ gây ra các mâu thuẫn giữa người dân địa phương và công nhân xây dựng, phát sinh tệ nạn xã hội, gia tăng các hành vi tội phạm và mất an ninh trật tự xã hội.

Sự tập trung công nhân lao động, các phương tiện vận chuyển, máy móc, trang thiết bị tham gia trong giai đoạn thi công luôn kéo theo nguy cơ phát sinh, lây lan dịch bệnh có tác động lớn đến sức khỏe cộng đồng.

**) Tác động đến hoạt động giao thông*

- Gia tăng mật độ giao thông gây ùn tắc vào những giờ cao điểm.
- Là nguyên nhân gia tăng tai nạn giao thông trên tuyến đường, nguy hiểm đến tính mạng và thiệt hại tài sản đối với người điều khiển phương tiện.

2.2.2.1. Tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành

**) Tiếng ồn, độ rung*

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất của các nhà đầu tư thứ cấp; từ các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào Dự án,...; tiếng ồn từ khu vực TBA; từ hoạt động của các thiết bị, máy móc tại trạm XLNT tập trung.

**) Tác động đến kinh tế - xã hội*

Việc tập trung một số lượng lớn CBCNV làm việc tại KCN làm gia tăng dân số cơ học trong khu vực, có thể gây ảnh hưởng tiêu cực, mâu thuẫn xã hội, làm thay đổi điều kiện sinh hoạt, việc làm, thu nhập người dân địa phương.

Gia tăng tình hình mất trật tự trị an xã hội do tập trung số lượng lớn công nhân làm việc tại KCN, gián tiếp ảnh hưởng đến đời sống người dân địa phương.

**) Tác động đến hoạt động giao thông*

- Gia tăng mật độ giao thông gây ùn tắc vào những giờ cao điểm do số lượng phương tiện trong nội bộ KCN tương đối lớn.
- Là nguyên nhân gia tăng tai nạn giao thông, nguy hiểm đến tính mạng và thiệt hại tài sản đối với người điều khiển phương tiện.
- Làm tăng áp lực lên hệ thống đường giao thông nội bộ dễ xảy ra hiện tượng hư hỏng mặt đường, gia tăng nguy cơ sụt lún nền đường, tạo thành các ổ gà; gây nguy hiểm

cho người điều khiển phương tiện giao thông.

**) Tác động đến kênh Quán Thẻ và việc tiêu thoát nước khu vực*

Giai đoạn vận hành Dự án phát sinh nước thải, nước mưa chảy tràn: Nếu không có biện pháp xử lý triệt để trước khi thải ra kênh Quán Thẻ và thoát ra biển có thể làm gia tăng các chất ô nhiễm trong nguồn nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và lâu dài ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm.

Giảm khả năng tiêu thoát nước và thoát lũ gây ngập úng khu vực Dự án và xung quanh kênh Quán Thẻ.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.3.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

**) Giai đoạn thi công:*

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 04 nhà vệ sinh di động 2 buồng trên công trường thi công để sử dụng cho sinh hoạt của CBCNV thi công. Toàn bộ chất thải từ nhà vệ sinh di động thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hút và xử lý định kỳ với tần suất khoảng 1-2 lần/tuần.

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa xe: Bố trí 01 khu rửa xe gần cổng ra vào Dự án. Nước thải từ quá trình rửa các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công sẽ được đưa vào 01 hồ lắng 02 ngăn, mỗi ngăn có kích thước khoảng (1,5x1,5x2)m. Nước thải sau khi xử lý tại bể lắng được tận dụng lại để rửa xe, không thải ra môi trường.

Quy trình: Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển → Rãnh thu nước → Hồ lắng (tách dầu, lắng cặn) → Nước rửa sau khi được lắng cặn → Vệ sinh phương tiện vận chuyển trên công trường, làm ẩm phế thải trước khi vận chuyển.

**) Giai đoạn vận hành:*

- NTSH phát sinh từ khu hành chính dịch vụ công cộng được thu gom về hệ thống bể tự hoại xây dựng ngầm phía dưới trước khi đầu nối về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động nén bùn (phát sinh từ bể nén bùn và máy ép bùn) tại trạm XLNT tập trung của KCN được thu gom về bể điều hòa của trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

- Toàn bộ NTSH và NTCN từ các đơn vị thứ cấp trong KCN được chủ các đơn vị thứ cấp thu gom, xử lý sơ bộ bằng công nghệ phù hợp theo đặc thù của loại hình sản xuất, đảm bảo đạt giá trị giới hạn đầu vào của KCN trước khi đầu nối vào trạm XLNT tập trung của KCN công suất 5.300 m³/ngày để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột A, F>2000) trước khi xả ra kênh Quán Thẻ.

Trạm XLNT tập trung của Dự án áp dụng công nghệ xử lý hóa lý kết hợp sinh học. Trong đó đối với công đoạn xử lý sinh học chia thành 2 modul. Các bể sử dụng chung: Hồ thu gom, bể trung hòa, bể tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể lắng hóa lý, bể trung gian, bồn lọc, bể khử trùng, mương quan trắc, bể nén bùn sinh học, bể nén bùn hóa lý, máy ép bùn, sân phơi bùn.

Công nghệ xử lý khi trạm hoạt động với công suất 5.300 m³/ngày.đêm: Hồ thu gom (HG) → Bể trung hòa (T01) → Bể tách dầu mỡ (T02) → Bể điều hòa (T03) → Bể keo tụ (T04) → Bể tạo bông (T05) → Bể lắng hóa lý (T06) → Bể thiếu khí anoxic (T07A/B) → Bể hiếu khí aeroten (T08A/B) → Bể lắng sinh học (T09A/B) → Bể trung gian/bồn lọc (T10) → Bể khử trùng (T11) → kênh Quán Thẻ.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý của trạm XLNT tập trung, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục tại đầu ra bao gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

2.3.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải

**) Giai đoạn thi công:*

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh.

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Lắp đặt hàng rào, biển cảnh báo xung quanh vị trí thi công gần các khu dân cư và đường giao thông; che phủ bạt đối với các phương tiện chuyên chở vật liệu, phế thải.

- Bố trí vị trí rửa bánh xe và lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện tại công trường, đảm bảo tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển vật liệu chính với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp với tần suất 01 lần/ngày; phun nước làm ẩm khu vực tập kết vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Hoạt động nổ mìn phá đá: Nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn được phê duyệt, sử dụng phương pháp nổ mìn visai điện đảm bảo khoảng cách an toàn đá văng, sóng xung kích và chấn động khi nổ.

- Trạm trộn bê tông: Bố trí trạm ở cuối hướng gió của công trình, xi măng được chứa trong silo, tại Silo bố trí sẵn lọc bụi túi ở đỉnh silo. Lắp đặt hệ thống phun nước (phun nước tưới ẩm cát, đá nguyên liệu). Cát, đá, sỏi được đưa vào trạm trộn bằng hệ thống băng tải hoặc ống kín. Máy trộn bê tông là máy kín hoàn toàn, không phát sinh bụi.

**) Giai đoạn vận hành:*

- Bố trí diện tích cây xanh đảm bảo $\geq 10\%$ theo quy định, cây xanh được trồng phù hợp với khí hậu địa phương tạo cảnh quan, điều hòa không khí.

- Thực hiện vệ sinh, sử dụng xe chuyên dụng phun, tưới nước giảm bụi cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên KCN với tần suất 01 lần/ngày.

- Toàn bộ trạm bơm nước thải được xây dựng kín và ngầm, đặt bơm chìm, điều khiển tự động, có bơm dự phòng và đặt ống thông hơi đúng quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Tổ chức phân loại rác tại nguồn, thu gom kịp thời CTRSH với tần suất hàng ngày.

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh khu vực tập kết rác thải.

- Trạm XLNT tập trung được xây dựng đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định. Hành lang cây xanh cách ly trạm XLNT tập trung và các trạm bơm chuyển bậc phải đáp ứng QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

2.3.1.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý CTR, CTNH

a). Công trình, biện pháp thu gom, xử lý CTR thông thường

**) Giai đoạn thi công:*

- Thực hiện phân loại CTRSH và CTRCNTT.
- Trang bị tại công trường thi công tối thiểu 08 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy chứa CTRSH dung tích 60 lít/thùng, đảm bảo thu gom toàn bộ CTRSH; hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Phế thải có khả năng tái chế được tận dụng để chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế; tận dụng một phần phế thải xây dựng phù hợp để san nền trong phạm vi Dự án. Phần không thể tận dụng được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đá thu hồi khoáng sản trong Dự án được sử dụng làm vật liệu xây dựng cho các Dự án xung quanh như: Dự án điện khí NLG; các tuyến kè chắn sóng phía Đông; kè chắn sóng phía Tây của cụm cảng Quốc tế Cà Ná ...

**) Giai đoạn vận hành*

- Bố trí các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy, đảm bảo thu gom toàn bộ CTRSH, CTRCNTT phát sinh từ hoạt động tại khu hành chính dịch vụ công cộng; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Định kỳ vệ sinh, quét dọn các tuyến đường nội bộ và kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước mưa, đặc biệt là trước mùa mưa bão.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển bùn từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa, vận hành nhà máy xử lý nước cấp và hút bùn bề tự hoại tại khu hành chính dịch vụ công cộng; chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

b). Công trình, biện pháp thu gom, xử lý CTNH

**) Giai đoạn thi công:*

- Bố trí tại công trường thi công 04 thùng chứa CTNH chuyên dụng, dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ CTNH phát sinh, tập kết về kho lưu chứa CTNH tạm thời tại công trường thi công.

- Kho lưu chứa CTNH tạm thời được xây dựng theo đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định (được tháo dỡ sau khi kết thúc thi công xây dựng); định kỳ chuyển giao CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**) Giai đoạn vận hành*

- Đầu tư xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH diện tích 15 m² theo đúng quy định; bên trong bố trí tối thiểu 07 thùng chứa chuyên dụng, dung tích 60-120 lít/thùng, có gắn mã CTNH theo quy định, đảm bảo lưu chứa an toàn, không tràn đổ để thu gom, phân loại toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động quản lý vận hành Dự án; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định.

2.3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng

**) Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*

- Phương tiện sử dụng đạt tiêu chuẩn; lựa chọn máy móc, thiết bị có mức gây ồn thấp; thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên.

- Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn liên quan khác.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động chiếm dụng đất*

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sinh kế và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật.

- Đối với chiếm dụng tuyến kênh cấp nước biển của Công ty Cổ phần Muối Cà Ná Ninh Thuận: Trước khi tiến hành phá dỡ tuyến kênh dẫn nước biển, xây dựng tuyến kênh hoàn trả giáp ranh giới Dự án phía Tây với chiều dài 3,1km, kênh với kết cấu hình thang, xây bằng đá hộc với bề rộng mặt kênh 6m, đáy kênh 2m, cao 2,5m đảm bảo cấp nước cho hoạt động sản xuất muối của Công ty Cổ phần Muối Cà Ná Ninh Thuận. Sơ đồ vị trí

tuyển kênh hoàn trả được đính kèm phụ lục báo cáo.

- Đối với thu hồi khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng trong Dự án: Lập hồ sơ thăm dò, phê duyệt trữ lượng đá tận thu trình cơ quan chức năng phê duyệt. Trong thời gian tới Chủ đầu tư sẽ thực hiện các thủ tục lập hồ sơ về việc thu hồi khoáng sản đối với khối lượng đá trong Dự án để tạo mặt bằng thi công theo đúng quy định. Quá trình thi công thực hiện thu hồi khoáng sản theo đúng giấy xác nhận đăng ký của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động nổ mìn phá đá*

- Tuân thủ các quy định tại QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và TCVN 3255:1986 - An toàn nổ.

- Sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện với độ chậm của các kíp vi sai là 25 mi li giây (25ms) để hạn chế chấn động do nổ mìn.

- Quá trình nổ mìn sẽ thực hiện đúng kỹ thuật, thời gian quy định, phương pháp nổ mìn vi sai phi điện, khối lượng thuốc nổ, loại thuốc nổ... theo đúng hộ chiếu nổ mìn được cơ quan chức năng phê duyệt trước khi thi công.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội*

- Ưu tiên tuyển chọn công nhân địa phương gần khu vực Dự án cho một số công việc không yêu cầu kỹ thuật phức tạp để giảm gia tăng dân số cơ học, hạn chế các tác động xã hội tiêu cực tại khu vực Dự án.

- Đảm bảo an ninh trật tự xã hội khu vực, khai báo tạm trú tạm vắng với những công nhân từ nơi khác đến làm việc và sinh sống trên địa bàn.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông*

- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và đất đắp thải sử dụng thùng xe kín hoặc phủ bạt kín, chở đúng tải trọng cho phép, tránh thời gian cao điểm. Trường hợp vận chuyển làm rơi vãi ra đường bố trí người quét dọn, đảm bảo đường sạch sẽ, không trơn trượt khi có mưa và gây phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý, không tập trung nhiều phương tiện vận chuyển cùng 1 lúc, nhất là trong giờ cao điểm.

2.3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong gia đoạn vận hành

**) Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung*

- Toàn bộ máy móc thiết bị được lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su cho thiết bị động cơ công suất lớn.

- Các máy động cơ được kiểm tra sự cân bằng và hiệu chỉnh khi lắp đặt và được bảo dưỡng định kỳ.

- Bố trí dải cây xanh cách ly khu vực trạm XLNTTT.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội*

- Tuyên truyền về vệ sinh lao động đối với nhân viên làm việc tại KCN.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa và sinh hoạt văn nghệ cộng đồng cho công nhân, bảo đảm đời sống bản sắc văn hóa và tinh thần lành mạnh, giữ gìn trật tự an ninh khu vực.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông*

- Các xe vận chuyển có đăng kiểm và chở đúng tải trọng cho phép

- Trong quá trình vận chuyển đóng thùng xe kín hoặc phủ bạt kín hạn chế bụi và CTR phát sinh.

- Bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý, không tập trung nhiều phương tiện vận chuyển cùng 1 lúc, nhất là trong giờ cao điểm.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động đến kênh Quán Thẻ và tiêu thoát nước của khu vực*

- Định kỳ thực hiện nạo vét tuyến cống thoát nước mưa, nước thải trong KCN.

- Thường xuyên kiểm soát lưu lượng nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Trường hợp Dự án thoát nước gây bồi lắng kênh Quán Thẻ, định kỳ thực hiện nạo vét kênh đảm bảo tiêu thoát nước nhất là trước mùa mưa bão.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

**) Chương trình giám sát môi trường không khí*

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt quá trình thi công xây dựng.
- Thông số giám sát: TSP, tiếng ồn, độ rung, NO₂, SO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**) Giám sát CTRSH, CTRCNTT và CTNH*

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTRSH, CTRCNTT và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao CTRSH, CTRCNTT và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành chính thức

**) Chương trình giám sát nước thải tự động, liên tục*

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra trạm XLNT tập trung tại mương quan trắc.
- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.
- Tần suất giám sát: Liên tục 24/24 giờ.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về NTCN, cột A.

**) Chương trình giám sát nước thải định kỳ*

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra trạm XLNT tập trung (tại hố ga trước khi xả ra ngoài môi trường).

- Thông số giám sát: BOD₅ (20⁰C), Asen; Thủy ngân; Chì; Cadimi; Crom (III), Crom (VI), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng Xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng Nito, Tổng Phốt pho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, Tổng PCB, Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β (trừ các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục), độ màu.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Riêng các thông số: tổng PCB, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ giám sát 01

năm/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT, cột A (F>2000) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

**) Chương trình giám sát CTRSH, CTCRNTT, CTNH*

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTRSH, CTCRNTT và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao CTRSH, CTCRNTT và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công:

**) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ*

Yêu cầu nhà thầu thi công lập, triển khai biện pháp đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ trong giai đoạn thi công; lắp đặt biển báo trên công trường; lắp biển cảnh báo khu vực dễ cháy nổ; phân tuyến, phân luồng đảm bảo an toàn giao thông; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị điện; xuyên kiểm tra an toàn lao động tại Dự án.

**) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng*

- Thường xuyên kiểm tra khu vực thi công, khơi thông dòng chảy; trang bị máy bơm lưu động khi cần thiết.

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có phương án ứng phó kịp thời trong trường hợp xảy ra bão lũ.

b) Giai đoạn vận hành:

**) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với đơn vị thứ cấp trong KCN*

- Thành lập, duy trì hoạt động đội PCCC cơ sở; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ; thường xuyên kiểm tra để phát hiện mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro, sự cố; giám sát chặt chẽ về công tác bảo vệ môi trường của từng đơn vị thứ cấp; thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của từng đơn vị thứ cấp với tần suất tùy thuộc vào tính chất, quy mô của mỗi đơn vị, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý của các đơn vị thứ cấp luôn được kiểm soát, đáp ứng tiêu

chuẩn nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung trước khi đưa về hệ thống thu gom, XLNT tập trung của KCN.

- Đối với đơn vị thứ cấp có chất lượng nước thải sau xử lý không đảm bảo giá trị giới hạn đầu vào của KCN, thực hiện đóng van đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN; yêu cầu chủ đơn vị thứ cấp thực hiện phương án tự lưu chứa, tuần hoàn để xử lý, khắc phục cho đến khi chất lượng nước thải đáp ứng yêu cầu của KCN mới được tiếp tục đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN; chỉ tiếp tục tiếp nhận nước thải từ đơn vị thứ cấp sau khi sự cố được khắc phục và nước thải sau xử lý của đơn vị thứ cấp đáp ứng tiêu chuẩn nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung KCN.

**) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của trạm XLNT*

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình XLNT theo đúng quy mô thiết kế; lắp đặt van phai chặn tại cửa xả nước thải trước khi chảy ra môi trường, đảm bảo nước thải không chảy ra ngoài môi trường trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt chuẩn. Trạm XLNT tập trung của Dự án được thiết kế với 02 mô đun (đối với công đoạn xử lý sinh học), đảm bảo việc vận hành trạm XLNT tập trung luôn được ổn định, hiệu quả và giảm thiểu sự cố (khi một mô đun ngừng hoạt động do sự cố thì mô đun còn lại vẫn hoạt động bình thường).

- Bố trí máy phát điện cho trạm XLNT tập trung; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố; bố trí nhân viên quản lý, vận hành trạm XLNT, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho công trình XLNT của Dự án; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành trạm XLNT về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

- Bố trí 01 hồ sự cố đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải trong thời gian tối đa 3 ngày. Hồ sự cố được xây dựng trên nền đất được đầm chặt đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về xây dựng, lót vải địa kỹ thuật, HDPE chống thấm, thành hồ được xây cao hơn so với độ cao san nền đảm bảo không chảy tràn, dưới lớp bạt bố trí hệ thống ống nhựa HDPE để thoát nước ngầm và thoát khí chống đẩy nổi bạt lót, bố trí rãnh để neo giữ màng HDPE trước khi thực hiện hàn nối các tấm HDPE. Khi xảy ra sự cố trạm XLNT, tiến hành đóng van xả ra nguồn tiếp nhận đồng thời mở van dự phòng dẫn toàn bộ nước thải vào hạng mục công trình hồ sự cố. Thực hiện kiểm tra lần lượt tại các công đoạn XLNT của trạm XLNT tập trung để xác định nguyên nhân và khẩn trương khắc phục sự cố. Sau khi khắc

phục xong, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể gom của trạm XLNT tập trung để tiếp tục xử lý đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về NTCN, cột A trước khi xả ra nguồn tiếp nhận kênh Quán Thê.

**) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nước thải từ hệ thống thu gom XLNT*

Định kỳ kiểm tra, giám sát chất lượng công trình của hệ thống thu gom, XLNT tập trung để kịp thời phát hiện hư hỏng và khắc phục kịp thời. Bố trí máy bơm, hệ thống ống để ứng phó sự cố. Trường hợp phát hiện sự cố, lập tức thông báo cho người phụ trách khu vực xảy ra sự cố; trong trường hợp bể bị rò rỉ gây tràn đổ nước thải thì tiến hành bơm nước thải từ bể có sự cố qua bể chứa gần nhất phía sau công đoạn xử lý chính và dẫn vào hồ sự cố để lưu chứa và tuần hoàn tái xử lý nếu vượt tiêu chuẩn; khẩn trương sửa chữa, khắc phục vị trí rò rỉ của hệ thống thu gom nước thải và bể bị rò rỉ.

**) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất*

- Lập biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất và tổ chức thực hiện; thực hiện quản lý, bảo quản, lưu giữ hóa chất theo quy định của pháp luật về hóa chất. Kho chứa hóa chất được thiết kế xây dựng đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định; thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn trong suốt thời gian làm việc; quản lý chặt chẽ quá trình xuất, nhập các loại hóa chất nguy hiểm; có bản hướng dẫn cụ thể tính chất của các hoá chất và các quy định cần phải tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển... Tổ chức tốt việc giao nhận hóa chất đúng lúc, hoá chất được xếp đúng quy cách, đảm bảo an toàn, ngăn nắp và dễ dàng nhìn thấy nhãn; thường xuyên kiểm tra để phát hiện mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro; có bản chỉ dẫn bằng chữ và ký hiệu để ở nơi dễ nhận thấy; hoá chất phải có hồ sơ MSDS.

- Trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ hóa chất, kịp thời xác định vị trí hóa chất tràn đổ; dùng vật liệu thấm hút hóa chất tràn đổ. Các loại cát, bột hút ẩm, vải lau hoá chất tràn đổ phải được thu gom vào kho lưu chứa CTNH của Dự án để xử lý theo đúng quy định.

**) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ*

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác phòng cháy tại cơ sở; xây dựng, ban hành nội quy, quy định PCCC; lập phương án chữa cháy, cứu nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và hoạt động theo phương án được phê duyệt; trang bị thiết bị, phương tiện PCCC; kiểm tra an toàn về PCCC trong KCN; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn.

- Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với người lao động làm việc tại của Dự án; yêu cầu công nhân trực tiếp quản lý nguồn nhiệt, thiết bị dễ sinh lửa, chập cháy phải ngắt các thiết bị điện không cần thiết khi kết thúc ngày làm việc. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động các nhà máy trong KCN thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy và biện pháp phòng cháy. Phối hợp với các nhà máy tổ chức các đợt tập huấn PCCC trong toàn KCN.

- Trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ, thông báo về việc có xảy ra cháy cho các doanh nghiệp khu vực và thông báo cháy với đơn vị chữa cháy; phối hợp với chủ các đơn vị thứ cấp thực hiện sơ tán công nhân viên trong khu vực có cháy; phối hợp với đơn vị chữa cháy tại hiện trường để có phương án khoanh vùng đám cháy.

3. Cam kết của Chủ dự án

Thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Cà Ná – giai đoạn I” tại xã Cà Ná, tỉnh Khánh Hòa. Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Trung Nam Cà Ná cam kết:

- Cam kết chỉ triển khai các hoạt động thi công xây dựng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phòng chống sự cố như đã trình bày trong Báo cáo này đảm bảo đạt các Tiêu chuẩn Việt Nam và Quy chuẩn Việt Nam đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ nhằm nâng cao năng lực quản lý BVMT trong quá trình thi công và đưa dự án vào hoạt động.

- Thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ theo quy định. Trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án có sự giám định về chuyên môn, có báo cáo định kỳ gửi về cơ quan quản lý môi trường tỉnh Khánh Hòa.

- Nếu xảy ra sự cố môi trường chủ dự án sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan chức năng đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan này để giải quyết khắc phục sự cố hữu hiệu, kịp thời trong thời gian nhanh nhất và sẽ bồi thường khắc phục sự cố.

- Cam kết chịu mọi trách nhiệm đền bù thiệt hại về môi trường, sức khỏe nếu để xảy ra các sự cố gây hậu quả xấu đến môi trường; sẽ thỏa thuận với địa phương trong vấn đề sử dụng đường giao thông vận chuyển nguyên, vật liệu, máy móc phục vụ trong giai đoạn thi công công trình.

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chủ dự án cam kết thực hiện tất cả các quy định chung về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Đồng thời cam kết đảm bảo chất lượng môi trường theo QCVN hiện hành và các quy định, thông tư liên quan. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam và đền bù mọi thiệt hại nếu vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường được xác định do hoạt động của Dự án gây ra./.

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG KCN TRUNG NAM CÀ NÁ
GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhuận